

Nhạc sĩ Cao Văn Lầu và bài Dạ cổ hoài lang.

Bùi Thụy Đào Nguyên

Phần I. Nhạc sĩ Cao Văn Lầu
Phần II. Dạ cổ hoài lang

Cao Văn Lầu (Sáu Lầu) là nhạc sĩ và là tác giả bài Dạ cổ hoài lang, một bài ca độc đáo và nổi tiếng nhất trong nghệ thuật ca Cải lương Việt Nam.

Phần I. Nhạc sĩ Cao Văn Lầu:

Cao Văn Lầu sinh ngày 22 tháng 12 năm 1892 tại xóm Cái Cui, làng Chí Mỹ, sau sát nhập với làng Thuận Lễ trở thành xã Thuận Mỹ, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An.

Cuộc đời ông đã trải qua những biến đổi sau:

Vào một đêm tối trời vào năm 1896, có 20 gia đình nông dân ở xóm Cái Cui, vì không chịu nổi cảnh nghèo và cảnh hà khắc của các thế lực ở địa phương nên đã xuống ghe xuống, chèo chống về phía Nam để tìm nơi sinh sống. Trong số này có gia đình Cao Văn Giỏi (Chín Giỏi), gồm hai vợ chồng ông và sáu đứa con, trong số đó có chú bé Cao Văn Lầu.

Buổi đầu, ông Chín Giỏi xin tá túc với một người bà con ở Gia Hội (Bạc Liêu). Sau 9 tháng đi làm mướn cật lực mà không đủ ăn, gia đình ông lại phải lui ghe dờ sang Xà Phiên (nay thuộc Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang) để khai hoang làm ruộng. Hơn một năm sau, hơn 40 công đất do biết bao khó nhọc mới có được, bị địa chủ tìm cách chiếm lấy. Nhờ một người quen giới thiệu, gia đình ông Chín Giỏi dọn về Họng Chàng Bè (Giá Rai, Bạc Liêu) để tiếp tục khai khẩn đất hoang, nhưng rồi số đất ở đây về sau cũng về tay kẻ khác.

Lâm cảnh trắng tay, nhưng thời may có một người tốt bụng là hương sư Chơn ở làng Vĩnh Lợi tổng Thạnh Hòa cho cất một căn chòi lá ở trên đất công điền gần

chùa Vĩnh Phước An (nay thuộc phường hai, thị xã Bạc Liêu). Ở đó, vợ chồng ông và các con phải đi làm thuê, đi câu để chạy ăn từng bữa.

Hòa thượng Minh Bảo (? - 1912), trụ trì chùa Vĩnh Phước An thấy gia đình ông Chín Giỏi vất vả quá mà không đủ ăn, nên bàn với ông cho Cao Văn Lầu, lúc đó mới 8 tuổi, vào ở chùa để bớt đi một phần gánh nặng. Kể từ đó Cao Văn Lầu, ngày tụng kinh và làm việc cho chùa, đêm được nhà sư dạy chữ nho.

Năm 1903, ông Chín Giỏi đến xin sư trụ trì cho Cao Văn Lầu trở về nhà để học chữ quốc ngữ. Nhưng học đến "lớp nhì năm thứ hai" (Cours moyen 2e année) tức lớp 4 ngày nay, thì ông phải thôi học vì nhà gặp thêm cảnh khó: anh đi ở rể, chị lấy chồng, cha già yếu...

Vậy là, năm 15 tuổi (1907), Cao Văn Lầu phải thay cha và anh chị đi làm những việc nặng nhọc để nuôi gia đình.

Lúc bấy giờ tại xóm Rạch Ông Bồn có một thầy đàn nổi tiếng tên Lê Tài Khí, tục gọi Hai Khí hay Nhạc Khí. Ông thầy này bị mù cả hai mắt thêm có tật ở chân (1) nhưng ngón đàn của ông thật điêu luyện.

Năm 1908, Cao Văn Lầu nhờ cha dẫn đến thầy Hai Khí để xin học đàn mỗi đêm.

Nhờ yêu thích và siêng năng, ông mau chóng sử dụng thành thạo các loại nhạc cụ như đàn tranh, cò, kìm, trống lể; và trở thành một nhạc sĩ nông cốt trong ban cổ nhạc của thầy.

Năm 1912, ông bắt đầu đi hát với Sáu Thìn và cô Phấn với bài Tứ đại oán "Bùi Kiệm thi rớt".

Năm 21 tuổi (1913), Cao Văn Lầu vâng lệnh cha mẹ đi cưới vợ, đó là cô Trần Thị Tấn, một cô gái nét na ở điền Tư Ô (Chung Bá Khánh).

Khoảng thời gian này, ông sáng tác được một bản ngân mang tên "Bá điều" sau đổi lại "Thu phong" gồm tám câu nhịp bốn. Bản này sau đó được soạn giả Trịnh Thiên Tư đặt lời ca Mừng khi gặp bạn và đã ghi lại trong sách "Ca nhạc cổ điển".

Năm 1917, ông sáng tác thêm một khúc gồm 22 câu, theo một chủ đề của thầy Nhạc Khí đề xướng là "Chinh phụ vọng chinh phu" (chủ đề được rút ra từ bản Nam ai "Tô Huệ chức cầm hồi văn") nhưng chưa kịp sửa chữa và trình thầy thì

gặp nghịch cảnh đau lòng. Vợ ông đã ba năm mà vẫn chưa có dấu hiệu thai nghén, theo tục xưa, cha mẹ buộc ông phải trả vợ về nhà cha mẹ ruột.

Khoảng một năm trôi qua, kể từ ngày vợ ra đi, Sáu Lâu vẫn như kẻ mất hồn. Sau, vì quá nhớ thương, vợ chồng ông thi thoảng vẫn lén lút gặp nhau. Nhờ vậy, cả hai cũng vui đi phần nào nỗi buồn tủi (ít lâu sau vợ ông thụ thai, hai người mới được phép xum họp). Trong tâm trạng đó, bản nhạc 22 câu viết dở dang từ năm trước, được đem ra soạn lại. Được một bạn đồng môn tên Ba Chột, ông bỏ bớt 2 câu trùng lặp, bài nhạc còn chẵn 20 câu nhịp đôi.

Tết Trung thu năm 1918 (15 tháng 8 âm lịch năm Mậu Ngọ, nhằm ngày 19 tháng 9 năm 1918. Ghi theo "Bàn về thời điểm ra đời và nguồn gốc của bản Dạ cổ hoài lang" và "Tư điển nhân vật lịch sử", sẽ nói thêm ở phần Dạ cổ hoài lang), ông cùng các bạn đến thăm thầy, luôn tiện trình bày bản nhạc chưa có tên trên. Nghe xong, thầy Nhạc Khí hết sức khen ngợi:

"Tuồng đâu hoàn cảnh gia đình của con đã làm dở dang việc sáng tác, ai ngờ lại đạt được thành quả lớn lao thế này, quả là con không phụ công dạy dỗ..."

Đêm đó có nhà sư Nguyệt Chiếu cùng tham dự, thầy Nhạc Khí liền nhờ nhà sư đặt tên cho bản nhạc. Nhà sư nói:

"...Bản nhạc và lời ca của cháu Lâu tuy cũng còn vài điểm bất nhất, nhưng cái chung vẫn diễn tả được tâm tư của nàng Tô Huệ (2. Vậy cứ theo tích này mà đặt tên chung cho cả bản nhạc và lời ca của cháu là "'Dạ cổ hoài lang"' (Nghe tiếng trống đêm nhớ chồng)."

Lập tức, bài ca được nhanh chóng loan truyền bởi giai điệu bài ca toát ra không chỉ là tình cảm nhớ mong chồng mà còn là nỗi buồn lớn của thời đại, tâm tư của người dân Nam Bộ khi phong trào Cần vương thất bại.

Năm 1919, làm nhạc công trong gánh hát cải lương của Ba Xú (Bạc Liêu).

Cách mạng tháng Tám thành công, ông tham gia "Mặt trận Liên Việt" ở ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Năm 1947, ông nhận nhiệm vụ đặc biệt là cứu và đã cứu được một số cán bộ bị thực dân Pháp bắt.

Từ 1918 đến năm 1974, ngoài bản "Dạ cổ hoài lang", mà sau này phát triển thành bản "vọng cổ", làm thay đổi một phần bộ mặt Cải lương; ông Cao Văn Lầu còn sáng tác thêm 10 bản nữa, nhưng đa phần chỉ lưu hành ở Bạc Liêu.

Ông mất lúc 13 giờ ngày 13 tháng 8 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 84 tuổi.

Bùi Thụy Đào Nguyên

Long Xuyên, tháng 10 năm 2008.

Chú thích:

(1) Chép theo Trần Đức Thuận. Vương Hồng Sển nói ông có tật ở tay. Và ông cũng cho biết: "Nếu phải kể công đầu, đáng làm hậu tổ cái lương, đó là ông Hai Khi ở Bạc Liêu. Nghe đầu ông sống lối năm 1915 ... Ông đau cổ xạ, ngón tay co rút và ngo ngoe rất khó. Thế mà ông có tài riêng, không ai bắt chước được. Ai muốn thử tài cứ đến nhà, ban đầu ông giở mùng cho xem, chỉ trống, kèn, chụp chõa trơ trơ ở trong ấy. Thế rồi khách ra ngồi salon, ông Khi chun vô mùng, một "mình ên", rồi bỗng nghe trọn bộ cổ nhạc khuê động có tiết tấu nhịp nhàng y như có cả bốn năm người hòa tấu: trống xô, kèn thổi, đờn kéo ò e, chụp chõa lũng tùng xòa...Không ai biết ông làm cách nào mà được vậy, quả là diệu thuật."(sách ghi ở mục tài liệu, tr. 46)

(2) Tô Huệ tự "Nhược Lan", người đất Thần Châu đời nhà Tấn (265-419). Nàng dung nhan kiều mị, tài đức song toàn, văn chương xuất chúng. Khi Tô được 20 tuổi cha mẹ đính gả cho hàn sĩ Đậu Thao, người cùng quê.

Sau Đậu Thao đỗ đạt làm quan, may mắn được nhậm chức tại Thần Châu, không phải đi xa.

Đang yên ả, nhưng rồi vì công vụ cần thiết, nhà vua truyền Đậu Thao ra trấn nhậm đất Lưu Sa.

Ba năm xa cách với nỗi thương nhớ triền miên, nàng lấy gấm vuông độ chùng một thước, dùng chỉ ngũ sắc thêu 10 bài tứ tuyệt do mình làm.

Nàng thêu theo hình tròn ốc, từ ngoài xoáy tròn vào trung tâm bức gấm.

Xong nàng tự tay dâng lên nhà vua, nhưng cả triều đình không ai đọc được.

Được vua cho phép, nàng Tô Huệ đứng giữa triều cất tiếng ngâm với một giọng bi thiết bài "Chức cảm hồi văn".

Nhà vua quá cảm động, vội hạ chiếu cho gọi Đậu Thao về ngay.

Tài liệu tham khảo:

-Vương Hồng Sển, "Hồi ký năm mươi năm mê hát", Nxb Trẻ, 2007.

-Trần Đức Thuận," Cuộc đời Cao Văn Lầu và nguyên nhân ra đời bản Dạ cổ hoài lang", in trong "Nam Bộ - Đất & Người tập 2", Nxb Trẻ, 2004, tr.269-265.

-Trần Phước Thuận, "Bàn về thời điểm ra đời và nguồn gốc của Bản Dạ cổ hoài lang" in trong "Nam Bộ - Đất & Người tập 2", Nxb Trẻ, 2004, tr.266-271.

-Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, "Từ điển nhân vật lịch sử", Nxb KHXH, 1992, tr. 74-75.